

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1295/QĐ-UBND

Cần Thơ, ngày 30 tháng 3 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Kế hoạch tuyển sinh các lớp đầu cấp trung học cơ sở,
trung học phổ thông năm học 2026 - 2027 trên địa bàn thành phố Cần Thơ

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 142/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương hai cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học;

Căn cứ Thông tư số 40/2021/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học loại hình tư thục;

Căn cứ Thông tư số 01/2023/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 01 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên;

Căn cứ Thông tư số 04/2023/TT-BGDĐT ngày 23 tháng 02 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường phổ thông dân tộc nội trú;

Căn cứ Thông tư số 05/2023/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 02 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường trung học phổ thông chuyên;

Căn cứ Thông tư số 30/2024/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh trung học cơ sở và tuyển sinh trung học phổ thông;

Căn cứ Thông tư số 10/2025/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về phân quyền, phân cấp và phân định thẩm quyền thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước của chính quyền địa phương hai cấp đối với giáo dục phổ thông;

Căn cứ Quyết định số 60/QĐ-BDTTG ngày 29 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo công bố danh sách thôn, xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, thôn đặc biệt khó khăn, xã khu vực I, II, III giai đoạn 2026 - 2030;

Căn cứ Quyết định số 70/QĐ-UBND ngày 10 tháng 01 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ về việc phê duyệt danh sách áp, khu vực vùng đồng bào dân tộc thiểu số, xã khu vực I, II, III trên địa bàn thành phố Cần Thơ giai đoạn 2026 - 2030;

Căn cứ Chương trình số 10-CTr/TU ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Thành ủy Cần Thơ về thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22 tháng 8 năm 2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 64/2025/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ quy định định mức số lượng học sinh/lớp đối với những trường hợp đặc biệt trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập trên địa bàn thành phố Cần Thơ;

Căn cứ Công văn số 621/BGDĐT-GDPT ngày 05 tháng 02 năm 2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc tăng cường quản lý, chỉ đạo công tác tuyển sinh đầu cấp tiểu học, trung học cơ sở và tuyển sinh trung học phổ thông năm học 2026 - 2027;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tại Tờ trình số 82/TTr-SGDĐT ngày 26 tháng 3 năm 2026.


QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Kế hoạch tuyển sinh các lớp đầu cấp trung học cơ sở, trung học phổ thông năm học 2026 - 2027 trên địa bàn thành phố Cần Thơ (Đính kèm Kế hoạch).

Điều 2. Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo, Thủ trưởng cơ quan, ban, ngành thành phố có liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường căn cứ nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch này, thực hiện nghiêm túc công tác tuyển sinh các lớp đầu cấp trung học cơ sở, trung học phổ thông năm học 2026 - 2027 trên địa bàn thành phố.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố; Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường; Thủ trưởng cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- CT, các PCT UBND TP;
- VP UBND TP (2C);
- Lưu: VT, Nghiệm 

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Khởi

KẾ HOẠCH

**Tuyển sinh các lớp đầu cấp trung học cơ sở, trung học phổ thông
năm học 2026 - 2027 trên địa bàn thành phố Cần Thơ**
(Kèm theo Quyết định số 1295/QĐ-UBND ngày 30 tháng 3 năm 2026
của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ)

A. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

I. Mục đích

1. Đảm bảo học sinh đã tốt nghiệp tiểu học được học tiếp tục tại các trường trung học cơ sở (THCS); học sinh đã tốt nghiệp trung học cơ sở có nguyện vọng tiếp tục đi học được tuyển vào các trường trung học phổ thông (THPT), trường phổ thông có nhiều cấp học, các trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên (GDNN-GDTX) trên địa bàn thành phố;

2. Đảm bảo thực hiện nhiệm vụ phổ cập THCS, THPT mục tiêu giáo dục toàn diện trong giai đoạn giáo dục cơ bản;

3. Tuyển chọn những học sinh có kiến thức, kỹ năng phù hợp với trình độ của cấp học, bậc học trên cơ sở đảm bảo mục tiêu giáo dục toàn diện; giáo dục học sinh thành người có lòng yêu nước, có khả năng học tập, có sức khỏe tốt để tiếp tục phân luồng đào tạo sau trung học theo yêu cầu phát triển của đất nước.

II. Yêu cầu

Công tác tuyển sinh vào các lớp đầu cấp THCS, THPT năm học 2026 - 2027 thực hiện đúng quy chế tuyển sinh, quy chế hoạt động của các loại hình trường trung học và các quy định hiện hành về tuyển sinh các lớp đầu cấp trung học, đảm bảo an toàn, khách quan, công bằng và nghiêm túc. Hướng dẫn tuyển sinh đầy đủ, rõ ràng, công khai, tạo thuận lợi cho học sinh và cha mẹ học sinh.

B. NỘI DUNG

I. TUYỂN SINH VÀO LỚP 6

1. Tuyển sinh vào lớp 6 các trường THCS công lập

1.1. Đối tượng tuyển sinh

Thực hiện theo Điều 3 Thông tư số 30/2024/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

1.2. Địa bàn tuyển sinh

a) Học sinh thuộc đối tượng tuyển sinh, đang cư trú trên địa bàn thành phố được đăng ký dự tuyển vào các trường THCS, trường liên cấp có cấp THCS trên địa bàn thành phố, với điều kiện bảo đảm việc ăn, ở, sinh hoạt và đi lại thuận lợi trong suốt quá trình học tập cấp THCS;

b) Các xã, phường trên địa bàn thành phố thực hiện phân bổ chỉ tiêu tuyển sinh vào các trường THCS và các trường liên cấp có cấp THCS trên cơ sở: mạng lưới trường, lớp, quy mô học sinh trong độ tuổi tại địa phương và khu vực giáp ranh; đội ngũ giáo viên cơ hữu hiện có; khoảng cách thực tế từ nơi cư trú đến trường.

1.3. Phương thức tuyển sinh

Thực hiện xét tuyển 100% học sinh thuộc đối tượng tuyển sinh trung học cơ sở¹ vào học lớp 6 trên cơ sở đảm bảo các quy định của Điều lệ trường trung học; khuyến khích, tạo điều kiện cho những học sinh có hoàn cảnh khó khăn, trẻ em khuyết tật được đến trường; đảm bảo mọi học sinh trong độ tuổi phổ cập giáo dục được đến trường².

1.4. Tổ chức tuyển sinh

Việc tổ chức tuyển sinh vào lớp 6 của từng đơn vị đảm bảo phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương và đảm bảo các quy định của Quy chế tuyển sinh trung học cơ sở: Đăng ký tuyển sinh, Hội đồng tuyển sinh, Quy trình tuyển sinh vào lớp 6 thực hiện theo hướng dẫn tại Điều 5, Điều 6, Điều 7 Thông tư số 30/2024/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2024 và Điều 17 Thông tư số 10/2025/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Tuyển sinh vào lớp 6 đối với các trường phổ thông dân tộc nội trú (PTDTNT)

2.1. Điều kiện và đối tượng tuyển sinh

Điều kiện và đối tượng tuyển sinh vào lớp 6 đối với các trường PTDTNT trên địa bàn thành phố phải đảm bảo các điều kiện sau đây:

a) Điều kiện

Thuộc đối tượng tuyển sinh theo quy định tại Điều 3 Thông tư số 30/2024/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

b) Đối tượng

Thuộc các đối tượng tuyển sinh vào trường PTDTNT quy định tại Điều 9 Thông tư số 04/2023/TT-BGDĐT ngày 23 tháng 02 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trong đó, các căn cứ để xác định đối tượng theo quy định này gồm có:

- Quyết định số 60/QĐ-BDTTg ngày 29 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo công bố danh sách thôn, xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, thôn đặc biệt khó khăn, xã khu vực I, II, III giai đoạn 2026 - 2030;

- Quyết định số 70/QĐ-UBND ngày 10 tháng 01 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ về phê duyệt danh sách ấp, khu vực vùng đồng bào dân tộc thiểu số, xã khu vực I, II, III trên địa bàn thành phố Cần Thơ giai đoạn 2026 - 2030.

¹ Điều 3, Thông tư số 30/2024/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

² Công điện số 10/CĐ-TTg ngày 07 tháng 02 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ.

2.2. Địa bàn tuyển sinh

Học sinh thuộc đối tượng tuyển sinh, đang cư trú trên địa bàn thành phố được đăng ký dự tuyển vào các trường PTDTNT trên địa bàn thành phố, với điều kiện bảo đảm việc ăn, ở, sinh hoạt và đi lại thuận lợi trong suốt quá trình học tập cấp THCS.

2.3. Chỉ tiêu tuyển sinh

a) Trong năm học 2026 - 2027: mỗi trường PTDTNT cấp THCS, trường PTDTNT liên cấp có cấp THCS tuyển sinh 02 lớp 6 với 70 học sinh;

b) Riêng Trường PTDTNT THCS Him Lam không tổ chức tuyển sinh lớp 6 hệ PTDTNT từ năm học 2026 - 2027. Sở Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn trường PTDTNT THPT Hậu Giang thực hiện công tác tuyển sinh đối tượng này theo quy định.

2.4. Phương thức tuyển sinh, chế độ ưu tiên và tuyển thẳng

a) Phương thức tuyển sinh: Xét tuyển.

b) Chế độ ưu tiên

Đối tượng được cộng điểm ưu tiên (D_{UT}): thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 14 Thông tư số 30/2024/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

* **Lưu ý:** học sinh thuộc từ hai nhóm đối tượng ưu tiên trở lên, chỉ được cộng điểm ưu tiên cho nhóm đối tượng có điểm ưu tiên cao nhất.

c) Tuyển thẳng: thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Thông tư số 04/2023/TT-BGDĐT ngày 23 tháng 02 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

d) Điểm quy đổi theo kết quả học tập

Căn cứ vào kết quả học tập cấp tiểu học của học sinh ghi trong học bạ để tính điểm như sau:

- Điểm quy đổi từng lớp: $D_{Lớp} = \text{Điểm Toán}_{\text{cuối năm}} + \text{Điểm Tiếng Việt}_{\text{cuối năm}}$

- Điểm quy đổi: $D_{QĐ} = D_{Lớp 1} + D_{Lớp 2} + D_{Lớp 3} + D_{Lớp 4} + D_{Lớp 5}$

đ) Điểm xét tuyển

Điểm xét tuyển là tổng điểm của điểm quy đổi theo kết quả học tập và điểm ưu tiên (nếu có):

$$\boxed{ĐXT = D_{QĐ} + D_{UT}}$$

e) Nguyên tắc xét trúng tuyển

- Căn cứ vào ĐXT, xét điểm từ cao xuống thấp cho đến khi đủ chỉ tiêu;

- Nếu đến chỉ tiêu cuối cùng mà có nhiều thí sinh có điểm bằng nhau thì xét chọn thí sinh theo thứ tự ưu tiên sau: Có điểm quy đổi lớp 5 cao hơn; có điểm cuối năm của môn Toán lớp 5 cao hơn; có điểm cuối năm của môn Tiếng Việt lớp 5 cao hơn.

2.5. Tổ chức tuyển sinh

Thực hiện theo hướng dẫn tại: khoản 2 Điều 10 và khoản 2 Điều 12 Thông tư số 04/2023/TT-BGDĐT ngày 23 tháng 02 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; khoản 4 Điều 9 và Điều 17 Thông tư số 10/2025/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3. Tuyển sinh cấp THCS các trường tư thục (ngoài công lập)

a) Các trường ngoài công lập thực hiện công tác tuyển sinh chủ động theo Kế hoạch của từng trường, sao cho: (1) Đúng quy chế tuyển sinh³ và nguyên tắc tổ chức và hoạt động của loại hình trường tư thục⁴; (2) phù hợp với điều kiện cơ sở vật chất, đội ngũ của từng trường; (3) đảm bảo thực hiện Chương trình Giáo dục phổ thông 2018;

b) Các trường ngoài công lập xây dựng kế hoạch tuyển sinh cấp THCS năm học 2026 - 2027 trình Ủy ban nhân dân xã, phường quản lý phê duyệt trước khi thực hiện;

c) Trình Ủy ban nhân dân xã, phường quản lý phê duyệt danh sách trúng tuyển cấp THCS năm học 2026 - 2027 trước ngày 31 tháng 8 năm 2026.

II. TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 THPT CÔNG LẬP

1. Đối tượng và điều kiện dự tuyển

a) Đối tượng: học sinh, học viên (sau đây gọi chung là học sinh) đã tốt nghiệp THCS, trong độ tuổi vào học lớp 10 theo quy định tại Điều 33 Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT⁵;

b) Điều kiện dự tuyển: học sinh thuộc đối tượng dự tuyển nêu trên, đã tốt nghiệp THCS tại thành phố Cần Thơ hoặc có nơi cư trú/thường trú tại thành phố Cần Thơ; các trường hợp đặc biệt khác do Sở Giáo dục và Đào tạo xem xét, quyết định⁶.

2. Tuyển thẳng, chế độ ưu tiên, khuyến khích

2.1. Tuyển thẳng vào các trường THPT

Thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Thông tư số 30/2024/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo⁷.

³ Thông tư số 30/2024/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

⁴ Thông tư số 40/2021/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

⁵ 1. Tuổi của học sinh vào học lớp 6 là 11 tuổi. Tuổi của học sinh vào học lớp 10 là 15 tuổi. Đối với những học sinh được học vượt lớp ở cấp học trước hoặc học sinh vào cấp học ở độ tuổi cao hơn tuổi quy định thì tuổi vào lớp 6 và lớp 10 được giảm hoặc tăng căn cứ vào tuổi của năm tốt nghiệp cấp học trước.

2. Học sinh là người dân tộc thiểu số, học sinh khuyết tật, học sinh có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, học sinh ở nước ngoài về nước có thể vào cấp học ở tuổi cao hơn 03 tuổi so với tuổi quy định.

3. Học sinh không được lưu ban quá 03 lần trong một cấp học.

4. Học sinh có thể lực tốt và phát triển sớm về trí tuệ có thể vào học trước tuổi hoặc học vượt lớp trong phạm vi cấp học. Việc xem xét đối với từng trường hợp cụ thể được thực hiện theo các bước sau: a), b), c)

5. Học sinh trong độ tuổi quy định ở nước ngoài về nước, con em người nước ngoài làm việc tại Việt Nam được học ở trường trung học tại nơi cư trú hoặc trường trung học ở ngoài nơi cư trú nếu trường đó có khả năng tiếp nhận. Việc xem xét đối với từng trường hợp cụ thể được thực hiện theo các bước sau: a), b), c)

⁶ Bao gồm trường hợp học sinh đã tốt nghiệp THCS các năm học trước.

⁷ 1. Tuyển thẳng vào trung học phổ thông các đối tượng sau đây:

*** Lưu ý:**

a) Dân tộc thiểu số rất ít người được xác định theo Công văn số 1208/UBND-DTTS ngày 30 tháng 10 năm 2015 của Ủy ban Dân tộc gồm có: La Hủ, La Ha, Pà Thên, Lự, Ngái, Chứt, Lô Lô, Mảng, Cờ Lao, Bô Y, Cống, Si La, Pu Péo, Rơ Măm, Brâu, Ô Đu;

b) Căn cứ điều kiện thực tế của địa phương, cơ sở vật chất và đội ngũ giáo viên, Trường THPT Hoàng Diệu và Trường THPT Châu Văn Liêm không thực hiện tuyển thẳng đối với học sinh thuộc diện quy định tại điểm a khoản 1 Điều 14 Thông tư 30. Thay vào đó, hai trường áp dụng cơ chế tuyển thẳng tương tự như các trường THPT chuyên. Quy định này nhằm bảo đảm chất lượng đào tạo, phù hợp với năng lực tiếp nhận của nhà trường, đồng thời duy trì sự ổn định và hiệu quả trong công tác tổ chức dạy học.

2.2. Chế độ ưu tiên, khuyến khích

a) Đối tượng được cộng điểm ưu tiên (Đ_{UT}): Thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 14 Thông tư số 30/2024/TT-BGDĐT⁸.

* **Lưu ý:** Theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 4 Nghị định số 05/2011/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2011 của Chính phủ, dân tộc thiểu số là 53 dân tộc trong thành phần dân tộc Việt Nam, trừ dân tộc Kinh.

b) Đối tượng được cộng điểm khuyến khích (Đ_{KK}): thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 30/2024/TT-BGDĐT⁹.

a) Học sinh trường phổ thông dân tộc nội trú cấp trung học cơ sở.

b) Học sinh là người dân tộc thiểu số rất ít người.

c) Học sinh là người khuyết tật.

d) Học sinh trung học cơ sở đạt giải cấp quốc gia do Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức hoặc phối hợp với các Bộ và cơ quan ngang Bộ tổ chức trên quy mô toàn quốc đối với các cuộc thi, kỳ thi, hội thi (sau đây gọi chung là cuộc thi) về văn hóa, văn nghệ, thể thao; cuộc thi nghiên cứu khoa học, kĩ thuật.

đ) Học sinh trung học cơ sở đạt giải trong các cuộc thi quốc tế do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quyết định chọn cử.

⁸ 2. Đối tượng được cộng điểm ưu tiên

Điểm ưu tiên được cộng vào tổng điểm xét tuyển tính theo thang điểm 10 (mười) đối với mỗi môn thi. Trong đó, nhóm 1: được cộng 2,0 điểm; nhóm 2 được cộng 1,5 điểm; nhóm 3 được cộng 1,0 điểm.

a) Nhóm đối tượng 1:

- Con liệt sĩ;

- Con thương binh mất sức lao động 81% trở lên;

- Con bệnh binh mất sức lao động 81% trở lên;

- Con của người được cấp "Giấy chứng nhận người hưởng chính sách như thương binh mà người được cấp Giấy chứng nhận người hưởng chính sách như thương binh bị suy giảm khả năng lao động 81% trở lên";

- Con của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học;

- Con của người hoạt động cách mạng trước ngày 01 tháng 01 năm 1945;

- Con của người hoạt động cách mạng từ ngày 01 tháng 01 năm 1945 đến ngày khởi nghĩa tháng Tám năm 1945.

b) Nhóm đối tượng 2:

- Con của Anh hùng lực lượng vũ trang, con của Anh hùng lao động, con của Bà mẹ Việt Nam anh hùng;

- Con thương binh mất sức lao động dưới 81%;

- Con bệnh binh mất sức lao động dưới 81%;

- Con của người được cấp "Giấy chứng nhận người hưởng chính sách như thương binh mà người được cấp Giấy chứng nhận người hưởng chính sách như thương binh bị suy giảm khả năng lao động dưới 81 %".

c) Nhóm đối tượng 3:

- Người có cha hoặc mẹ là người dân tộc thiểu số;

- Người dân tộc thiểu số;

- Học sinh ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

⁹ 3. Đối tượng được cộng điểm khuyến khích

c) Mức điểm ưu tiên, khuyến khích được cộng tối đa

- Trường hợp học sinh thuộc nhiều đối tượng được cộng điểm ưu tiên, khuyến khích thì chỉ áp dụng cho 01 (một) đối tượng được cộng điểm ưu tiên, khuyến khích cao nhất;

- Điểm cộng tối đa cho các đối tượng ưu tiên, khuyến khích không quá 3,5 điểm.

3. Phương thức tuyển sinh, môn thi, hình thức thi, thời gian làm bài, thời gian tuyển sinh

a) Phương thức tuyển sinh

Tuyển sinh vào lớp 10 THPT được thực hiện theo hai phương thức: Thi tuyển và xét tuyển.

- Thi tuyển: áp dụng đối với các đơn vị theo danh sách tại **Phụ lục 1**.

- Xét tuyển: áp dụng đối với các đơn vị theo danh sách tại **Phụ lục 2** và các trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên.

b) Chỉ tiêu dự kiến tuyển sinh

Căn cứ đặc điểm của từng địa phương, nhằm bảo đảm phát huy hiệu quả cơ sở vật chất và không gây quá tải về biên chế đội ngũ giáo viên, chỉ tiêu tuyển sinh dự kiến của các trường THPT trên địa bàn thành phố được xác định tại **Phụ lục 1 và Phụ lục 2** đính kèm.

c) Thời gian thi tuyển sinh: ngày 29 và ngày 30 tháng 6 năm 2026.

d) Môn thi, hình thức thi, thời gian làm bài

- Môn Toán: thi theo hình thức trắc nghiệm kết hợp với tự luận, thời gian làm bài 120 phút;

- Môn Ngữ văn: thi theo hình thức tự luận, thời gian làm bài 120 phút;

- Môn Ngoại ngữ (Tiếng Anh hoặc Tiếng Pháp): thi theo hình thức trắc nghiệm kết hợp tự luận, thời gian làm bài 60 phút.

đ) Đề thi: nội dung đề thi nằm trong chương trình cấp THCS ban hành theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, chủ yếu là lớp 9.

4. Điểm môn thi

Điểm môn thi tính theo thang điểm 10, lấy đến chữ số thập phân thứ hai, không làm tròn điểm.

5. Điểm xét tuyển và Nguyên tắc xét trúng tuyển

5.1. Đối với các trường tuyển sinh bằng hình thức Thi tuyển

a) Học sinh trung học cơ sở đạt giải cấp tỉnh do Sở Giáo dục và Đào tạo tổ chức hoặc phối hợp với các sở, ngành tổ chức trên quy mô toàn tỉnh đối với các cuộc thi có tổ chức ở cấp quốc gia theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều này.
b) Điểm khuyến khích được cộng vào tổng điểm xét tuyển tính theo thang điểm 10 (mười) đối với mỗi môn thi, bài thi. Trong đó giải nhất được cộng 1,5 điểm; giải nhì được cộng 1,0 điểm; giải ba được cộng 0,5 điểm.

a) Điểm xét tuyển¹⁰

Điểm xét tuyển ($D_{XT_{TT}}$) vào lớp 10 THPT gồm: điểm của các môn thi ($D_{V\grave{a}n}$: Điểm môn thi Ngữ Văn, $D_{To\grave{a}n}$: Điểm môn thi Toán, D_{NN} : Điểm môn thi Tiếng Anh hoặc Tiếng Pháp; và điểm ưu tiên (D_{UT}), điểm khuyến khích (D_{KK}) (nếu có) theo công thức sau:

$$D_{XT_{TT}} = D_{V\grave{a}n} + D_{To\grave{a}n} + D_{NN} + D_{UT} + D_{KK}$$

b) Điểm chuẩn

Căn cứ vào kết quả điểm thi và tình hình thực tế Sở Giáo dục và Đào tạo công bố điểm chuẩn trúng tuyển vào lớp 10 các trường THPT trên địa bàn thành phố sau khi công bố điểm phúc khảo.

c) Nguyên tắc xét tuyển

- Căn cứ vào điểm xét tuyển và điểm chuẩn: xét điểm từ cao xuống thấp cho đến khi đủ chỉ tiêu;

- Nếu đến chỉ tiêu cuối cùng mà có nhiều thí sinh có điểm bằng nhau thì xét chọn thí sinh theo thứ tự ưu tiên sau: có kết quả học tập cả năm học lớp 9 cao hơn (Tốt, Khá, Đạt); có điểm trung bình cả năm của môn Toán lớp 9 cao hơn; có điểm trung bình cả năm của môn Ngữ văn lớp 9 cao hơn;

- Thí sinh được xét trúng tuyển phải đạt tối thiểu 1,0 điểm ở mỗi môn thi.

5.2. Đối với các trường tuyển sinh bằng hình thức Xét tuyển

a) Điểm quy đổi theo kết quả rèn luyện và học tập.

Điểm quy đổi theo kết quả rèn luyện và học tập của mỗi năm học cấp THCS của học sinh được tính như sau:

- Rèn luyện Tốt, học tập Tốt: 10 điểm.

- Rèn luyện Khá, học tập Tốt hoặc rèn luyện Tốt, học tập Khá: 9 điểm.

- Rèn luyện Khá, học tập Khá: 8 điểm.

- Rèn luyện Đạt, học tập Tốt hoặc rèn luyện Tốt, học tập Đạt: 7 điểm.

- Rèn luyện Khá, học tập Đạt hoặc rèn luyện Đạt, học tập Khá: 6 điểm.

- Rèn luyện Đạt, học tập Đạt: 5 điểm.

b) Điểm xét tuyển

Điểm xét tuyển ($D_{XT_{XT}}$) là tổng số điểm của:

- Điểm quy đổi ($D_{Q\grave{D}}$) theo kết quả rèn luyện và học tập của 4 năm học ở trung học cơ sở (nếu lưu ban lớp nào thì lấy kết quả năm học lại của lớp đó): $D_{Q\grave{D}_6}$ ($D_{Q\grave{D}_6}$), $D_{Q\grave{D}_7}$ ($D_{Q\grave{D}_7}$), $D_{Q\grave{D}_8}$ ($D_{Q\grave{D}_8}$), $D_{Q\grave{D}_9}$ ($D_{Q\grave{D}_9}$);

- Điểm ưu tiên, điểm khuyến khích (nếu có) theo công thức sau:

$$D_{XT_{XT}} = D_{Q\grave{D}_6} + D_{Q\grave{D}_7} + D_{Q\grave{D}_8} + D_{Q\grave{D}_9} + D_{UT} + D_{KK}$$

¹⁰ Khoản 6 Điều 13 Thông tư số 30/2024/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

c) Nguyên tắc xét trúng tuyển

- Xét điểm từ cao xuống thấp cho đến khi đủ chỉ tiêu.
- Nếu đến chỉ tiêu cuối cùng mà có nhiều thí sinh có điểm bằng nhau thì xét chọn thí sinh theo thứ tự ưu tiên sau: có kết quả học tập cả năm học lớp 9 cao hơn (Tốt, Khá, Đạt); có điểm trung bình cả năm của môn Toán lớp 9 cao hơn; có điểm trung bình cả năm của môn Ngữ văn lớp 9 cao hơn.

III. TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 CHUYÊN

1. Đối tượng và điều kiện dự tuyển

Theo quy định tại khoản 1 Mục II của Kế hoạch này; đồng thời phải có kết quả rèn luyện, học tập cả năm học của các lớp cấp THCS đạt từ Khá trở lên.

2. Chỉ tiêu tuyển sinh

a) Trường THPT chuyên Lý Tự Trọng tuyển sinh 13 lớp chuyên, bao gồm: Toán, Vật lí, Hóa học, Sinh học, Tin học, Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí, Tiếng Anh, Tiếng Pháp và Tiếng Trung Quốc. Trong đó, có 02 lớp chuyên Toán, 02 lớp chuyên Tiếng Anh. Mỗi lớp chuyên tuyển không quá 35 học sinh. Tổng chỉ tiêu không vượt 455 học sinh;

b) Trường THPT chuyên Nguyễn Thị Minh Khai tuyển sinh 10 lớp chuyên, bao gồm: Toán, Vật lí, Hóa học, Sinh học, Tin học, Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí, Tiếng Anh. Trong đó có 02 lớp chuyên Toán, 02 lớp chuyên Tiếng Anh. Môn Lịch sử và Địa lí ghép thành 01 lớp với chỉ tiêu Lịch sử 18 học sinh, Địa lí 17 học sinh. Mỗi lớp chuyên còn lại tuyển không quá 35 học sinh. Tổng chỉ tiêu không vượt 350 học sinh;

c) Trường THPT chuyên Vị Thanh tuyển sinh 09 lớp chuyên, bao gồm: Toán, Vật lí, Hóa học, Sinh học, Tin học, Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí và Tiếng Anh. Mỗi lớp chuyên tuyển không quá 35 học sinh. Tổng chỉ tiêu không vượt 315 học sinh.

3. Đăng ký thi tuyển vào lớp 10 chuyên

Mỗi học sinh được đăng ký dự thi tối đa 02 môn chuyên, tương ứng với 02 nguyện vọng (Nguyện vọng chuyên 1 và Nguyện vọng chuyên 2). Các môn chuyên đăng ký phải có lịch thi không trùng nhau, theo quy định tại mục VI về lịch thi tuyển.

4. Phương thức tuyển sinh

Thi tuyển.

5. Môn thi và đề thi

a) Môn thi: gồm 03 (ba) môn thi chung và môn thi chuyên.

- 03 (ba) môn thi chung:

+ Môn Toán: Thi theo hình thức trắc nghiệm kết hợp với tự luận, thời gian làm bài 120 phút.

+ Môn Ngữ văn: thi theo hình thức tự luận, thời gian làm bài 120 phút.

+ Môn Ngoại ngữ (Tiếng Anh hoặc Tiếng Pháp): thi theo hình thức trắc nghiệm kết hợp tự luận, thời gian làm bài 60 phút.

- Môn thi chuyên:

+ Học sinh đăng ký dự thi vào lớp chuyên nào thì làm bài thi môn chuyên đó (nếu đăng ký vào 02 lớp chuyên thì phải làm bài thi 02 môn chuyên). Các môn chuyên thi theo hình thức tự luận, riêng môn Tiếng Anh, Tiếng Pháp, Tiếng Trung Quốc thi theo hình thức trắc nghiệm kết hợp tự luận và có thêm phần nghe hiểu; môn Tin học thi theo hình thức lập trình trên máy vi tính; thời gian làm bài 150 phút (tất cả các môn).

+ Đối với thí sinh thi môn chuyên Vật lí, Hoá học, Sinh học sẽ thi theo khoa học Vật lí, Hoá học, Sinh học (của môn Khoa học tự nhiên); đối với thí sinh thi môn chuyên Lịch sử, Địa lí sẽ thi theo phân môn Lịch sử, phân môn Địa lí (của môn Lịch sử và Địa lí).

b) Đề thi: nội dung thi trong chương trình cấp THCS ban hành theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, chủ yếu là lớp 9; đảm bảo độ phân hóa, tăng cường câu hỏi mở, câu hỏi/bài tập gắn với thực tiễn, câu hỏi vận dụng.

6. Điểm môn thi và hệ số điểm môn thi

a) Điểm môn thi tính theo thang điểm 10, lấy đến chữ số thập phân thứ hai, không làm tròn điểm;

b) Hệ số điểm môn thi: điểm các môn thi chung tính hệ số 1, điểm môn thi chuyên tính hệ số 2.

7. Tuyển thẳng và chế độ khuyến khích vào lớp 10 trường chuyên

a) Tuyển thẳng¹¹ vào lớp 10 trung học phổ thông chuyên các đối tượng sau đây: học sinh đạt giải cấp quốc gia và quốc tế (kể cả giải khuyến khích hoặc giải tự) Cuộc thi khoa học kĩ thuật dành cho học sinh trung học.

b) Điểm khuyến khích¹²

- Đối tượng được cộng điểm khuyến khích: học sinh đạt giải cấp thành phố (kể cả Cần Thơ, Hậu Giang, Sóc Trăng cũ) Cuộc thi khoa học kĩ thuật dành cho học sinh trung học;

- Điểm khuyến khích được cộng vào tổng điểm xét tuyển tính theo thang điểm 10 (mười) đối với mỗi môn thi. Trong đó giải Nhất được cộng 1,5 điểm; giải Nhì được cộng 1,0 điểm; giải Ba được cộng 0,5 điểm. Mỗi thí sinh chỉ được cộng một điểm khuyến khích cho một giải cao nhất (không quá 1,5 điểm).

8. Điểm xét tuyển

- Điểm xét tuyển vào **lớp 10 chuyên** là tổng số điểm các môn thi chung và điểm môn thi chuyên tương ứng với lớp chuyên (đã tính hệ số) cộng với điểm khuyến khích (nếu có):

$$\text{ĐXT}_{10\text{Chuyên}} = (\text{Đ}_{\text{Văn}} + \text{Đ}_{\text{Toán}} + \text{Đ}_{\text{NN}})_{\text{chung}} + \text{Đ}_{\text{chuyên}} \times 2 + \text{Đ}_{\text{KK}}$$

¹¹ Điểm d khoản 1 Điều 14 Thông tư số 30/2024/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

¹² Khoản 3 Điều 14 Thông tư số 30/2024/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Điểm chuẩn trúng tuyển vào các lớp chuyên: căn cứ vào kết quả điểm thi và tình hình thực tế, Sở Giáo dục và Đào tạo công bố điểm chuẩn trúng tuyển vào các lớp 10 chuyên sau khi công bố điểm thi phúc khảo.

9. Nguyên tắc xét tuyển

Chỉ xét tuyển đối với thí sinh tham gia thi tuyển, đã thi đủ các môn thi quy định, không vi phạm Quy chế thi và điểm bài thi các môn thi chung phải lớn hơn 2,0 điểm, điểm bài thi môn chuyên phải đạt từ 4,0 điểm trở lên. Căn cứ điểm xét tuyển và điểm chuẩn trúng tuyển vào lớp chuyên, xét từ cao xuống thấp đến khi đủ chỉ tiêu được giao cho từng môn chuyên. Trường hợp xét đến chỉ tiêu cuối cùng có nhiều thí sinh có điểm xét tuyển bằng nhau thì xét chọn thí sinh theo thứ tự ưu tiên sau: có điểm thi môn chuyên cao hơn; có điểm trung bình cả năm môn chuyên năm học lớp 9 cao hơn; có kết quả học tập cả năm học lớp 9 cao hơn (Tốt, Khá, Đạt).

*** Lưu ý:**

a) Trường hợp thí sinh trúng tuyển cả hai nguyện vọng sẽ ưu tiên xét tuyển Nguyện vọng chuyên 1.

b) Xét tuyển vào lớp ghép chuyên Lịch sử - Địa lí: trường hợp chỉ tiêu cuối cùng của lớp ghép Lịch sử - Địa lí thiếu thì tăng chỉ tiêu cho môn còn lại theo thứ tự xét chọn điểm tổng từ cao xuống thấp đến khi đủ chỉ tiêu lớp ghép Lịch sử - Địa lí.

IV. TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 phổ thông Dân tộc nội trú (PTDTNT)

1. Điều kiện và đối tượng tuyển sinh

Điều kiện và đối tượng tuyển sinh vào lớp 10 đối với các trường PTDTNT trên địa bàn thành phố phải đảm bảo các điều kiện sau đây:

a) Điều kiện

Thuộc đối tượng tuyển sinh theo quy định tại Điều 8 Thông tư số 30/2024/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo¹³.

b) Đối tượng

Thuộc các đối tượng tuyển sinh vào trường PTDTNT quy định tại Điều 9 Thông tư số 04/2023/TT-BGDĐT ngày 23 tháng 02 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trong đó, các căn cứ để xác định đối tượng theo quy định này gồm có:

- Quyết định số 60/QĐ-BD TTG ngày 29 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo công bố danh sách thôn, xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, thôn đặc biệt khó khăn, xã khu vực I, II, III giai đoạn 2026 - 2030;

- Quyết định số 70/QĐ-UBND ngày 10 tháng 01 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ về phê duyệt danh sách ấp, khu vực vùng đồng bào dân tộc thiểu số, xã khu vực I, II, III trên địa bàn thành phố Cần Thơ giai đoạn 2026 - 2030;

¹³ Học sinh, học viên (sau đây gọi chung là học sinh) tốt nghiệp trung học cơ sở, trong độ tuổi vào học lớp 10 theo quy định tại Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học.

2. Địa bàn tuyển sinh

Học sinh thuộc đối tượng tuyển sinh, đang cư trú trên địa bàn thành phố được đăng ký dự tuyển vào lớp 10 các trường PTDTNT trên địa bàn thành phố, với điều kiện bảo đảm việc ăn, ở, sinh hoạt và đi lại thuận lợi trong suốt quá trình học tập cấp THPT.

3. Tuyển thẳng, chế độ ưu tiên

3.1. Tuyển thẳng vào lớp 10 PTDTNT¹⁴

Thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Thông tư số 04/2023/TT-BGDĐT ngày 23 tháng 02 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

* **Lưu ý:** Dân tộc thiểu số rất ít người được xác định theo Công văn số 1208/UBND-DTTS ngày 30 tháng 10 năm 2015 của Ủy ban Dân tộc gồm có: La Hủ, La Ha, Pà Thên, Lự, Ngái, Chứt, Lô Lô, Mảng, Cờ Lao, Bô Y, Cống, Si La, Pu Péo, Rơ Măm, Brâu, Ô Đu.

3.2. Chế độ ưu tiên¹⁵

a) Đối tượng được cộng điểm ưu tiên (Đ_{UT}): Thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 14 Thông tư số 30/2024/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

* **Lưu ý:**

- Theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 4 Nghị định số 05/2011/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2011 của Chính phủ, dân tộc thiểu số là 53 dân tộc trong thành phần dân tộc Việt Nam, trừ dân tộc Kinh;

- Học sinh thuộc từ hai nhóm đối tượng ưu tiên trở lên, chỉ được cộng điểm ưu tiên cho nhóm đối tượng có điểm ưu tiên cao nhất.

4. Phương thức tuyển sinh, môn thi, hình thức thi, thời gian làm bài, thời gian tuyển sinh

a) Phương thức tuyển sinh

Thi tuyển.

b) Chỉ tiêu dự kiến tuyển sinh

Căn cứ đặc điểm của từng địa phương, nhằm bảo đảm phát huy hiệu quả cơ sở vật chất và không gây quá tải về biên chế đội ngũ, chỉ tiêu tuyển sinh dự kiến của các trường PTDTNT trên địa bàn thành phố được xác định tại **Phụ lục 1** đính kèm.

c) Thời gian thi tuyển: ngày 29 và ngày 30 tháng 6 năm 2026.

d) Môn thi, hình thức thi, thời gian làm bài

- Môn Toán: thi theo hình thức trắc nghiệm kết hợp với tự luận, thời gian làm bài 120 phút.

¹⁴ Khoản 2 Điều 11 Thông tư số 05/2023/TT-BGDĐT ngày 23 tháng 02 năm 2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

¹⁵ Khoản 1 Điều 11 Thông tư số 05/2023/TT-BGDĐT ngày 23 tháng 02 năm 2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Môn Ngữ văn: thi theo hình thức tự luận, thời gian làm bài 120 phút.
- Môn Ngoại ngữ (Tiếng Anh hoặc Tiếng Pháp): thi theo hình thức trắc nghiệm kết hợp tự luận, thời gian làm bài 60 phút.

đ) Đề thi

Nội dung thi trong chương trình cấp THCS ban hành theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, chủ yếu là lớp 9.

5. Điểm môn thi và hệ số điểm môn thi

Điểm môn thi tính theo thang điểm 10, lấy đến chữ số thập phân thứ hai, không làm tròn điểm. Hệ số điểm môn thi: Toán và Ngữ văn và Ngoại ngữ (Tiếng Anh hoặc Tiếng Pháp) được tính hệ số 1.

6. Điểm xét tuyển và nguyên tắc xét trúng tuyển

a) Điểm xét tuyển¹⁶

Điểm xét tuyển ($D_{XT_{TT}}$) vào lớp 10 PTDTNT gồm: Điểm của các môn thi (D_{VN} : Điểm môn thi Ngữ Văn, $D_{Toán}$: Điểm môn thi Toán, D_{NN} : Điểm môn thi Tiếng Anh hoặc Tiếng Pháp); và điểm ưu tiên (D_{UT}) (nếu có) theo công thức sau:

$$D_{XT_{TT}} = D_{VN} + D_{Toán} + D_{NN} + D_{UT}$$

b) Điểm chuẩn

Căn cứ vào kết quả điểm thi và tình hình thực tế Sở Giáo dục và Đào tạo công bố điểm chuẩn trúng tuyển vào lớp 10 các trường PTDTNT trên địa bàn thành phố sau khi công bố điểm phúc khảo.

c) Nguyên tắc xét tuyển

- Căn cứ vào điểm xét tuyển và điểm chuẩn: Xét điểm từ cao xuống thấp cho đến khi đủ chỉ tiêu;

- Nếu đến chỉ tiêu cuối cùng mà có nhiều thí sinh có điểm bằng nhau thì xét chọn thí sinh theo thứ tự ưu tiên sau: có kết quả học tập cả năm học lớp 9 cao hơn (Tốt, Khá, Đạt); có điểm trung bình cả năm của môn Toán lớp 9 cao hơn; có điểm trung bình cả năm của môn Ngữ văn lớp 9 cao hơn;

- Thí sinh được xét trúng tuyển phải đạt tối thiểu 1,0 điểm ở mỗi môn thi.

V. TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 CHƯƠNG TRÌNH GDTX

Thực hiện theo Điều 12 Thông tư số 01/2023/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 01 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên.

1. Phương thức tuyển sinh

Tuyển sinh vào lớp 10 Chương trình GDTX được thực hiện theo phương thức: Xét tuyển.

* **Lưu ý:** Các trung tâm GDNN - GDTX xây dựng kế hoạch tuyển sinh lớp 10 năm học 2026 - 2027 trình về Sở Giáo dục và Đào tạo phê duyệt trước khi thực hiện.

¹⁶ Khoản 6 Điều 13 Thông tư số 30/2024/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Điểm xét tuyển và Nguyên tắc xét trúng tuyển

Thực hiện theo quy định tại mục 5.2, khoản 5, mục II, phần B của Kế hoạch này.

VI. ĐĂNG KÝ TUYỂN SINH, LỊCH THI TUYỂN VÀ QUY TRÌNH XÉT TRÚNG TUYỂN

1. Đăng ký tuyển sinh

a) Điều kiện đăng ký tuyển sinh

- Thí sinh phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện đăng ký tuyển sinh theo quy định đối với từng loại hình trường THPT trong Kế hoạch này;

- Thí sinh đăng ký dự tuyển vào các trường THPT áp dụng phương thức thi tuyển được phép đăng ký nguyện vọng vào cả các trường tuyển sinh theo phương thức thi tuyển hoặc xét tuyển;

- Thí sinh đăng ký dự tuyển vào các trường THPT áp dụng phương thức xét tuyển chỉ được đăng ký nguyện vọng vào các trường tuyển sinh theo phương thức xét tuyển.

b) Nguyện vọng tuyển sinh

Mỗi thí sinh được đăng ký tối đa 04 (bốn) nguyện vọng tuyển sinh vào các trường THPT công lập, THPT chuyên, PTDTNT, cụ thể như sau:

- Nguyện vọng 1: các trường THPT chuyên (có thể đăng ký 02 môn chuyên). Thí sinh đăng ký nguyện vọng vào trường THPT chuyên nào thì phải tham gia kỳ thi tuyển sinh tại trường đó. Cụ thể, thí sinh đăng ký nguyện vọng vào Trường THPT chuyên Vị Thanh sẽ dự thi tại Trường THPT chuyên Vị Thanh; đăng ký vào Trường THPT chuyên Nguyễn Thị Minh Khai sẽ dự thi tại Trường THPT chuyên Nguyễn Thị Minh Khai; đăng ký vào Trường THPT chuyên Lý Tự Trọng sẽ dự thi tại Trường THPT chuyên Lý Tự Trọng;

- Nguyện vọng 2: trường THPT công lập hoặc trường PTDTNT thứ nhất trên địa bàn thành phố, kể cả Trường Thực hành Sư phạm - Đại học Cần Thơ;

- Nguyện vọng 3: trường THPT công lập hoặc trường PTDTNT thứ hai trên địa bàn thành phố, kể cả Trường Thực hành Sư phạm - Đại học Cần Thơ;

- Nguyện vọng 4: Các Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên (dành cho cả học sinh dân tộc Kinh và dân tộc thiểu số).

** Lưu ý: Khuyến khích học sinh đăng ký nguyện vọng vào trường THPT, PTDTNT trên địa bàn xã, phường hoặc địa bàn giáp ranh nơi thí sinh thường trú, để đảm bảo điều kiện thuận lợi cho việc đi lại, giảm chi phí và thời gian di chuyển, đồng thời tạo điều kiện ổn định trong sinh hoạt và học tập của học sinh trong toàn cấp học.*

2. Lịch thi tuyển sinh vào lớp 10 năm học 2026 - 2027

Ngày thi	Buổi	Môn thi		Bắt đầu tính giờ làm bài	Thời gian làm bài
28/6/2026	Sáng	08 giờ 00: Học sinh có mặt tại điểm thi làm thủ tục dự thi, đính chính sai sót (nếu có), học Quy chế thi.			
29/6/2026	Sáng	Môn chung	Ngữ văn	08 giờ 30	120 phút
	Chiều	Môn chung	Tiếng Anh/ Tiếng Pháp	14 giờ 30	60 phút
30/6/2026	Sáng	Môn chung	Toán	08 giờ 30	120 phút
	Chiều	Môn chuyên	Toán	14 giờ 00	150 phút
			Sinh học		
			Vật lí		
			Ngữ văn		
		Tiếng Pháp/ Tiếng Trung			
01/7/2026	Sáng	Môn chuyên	Tin học	08 giờ 00	150 phút
			Hóa học		
			Địa lí		
			Lịch sử		
			Tiếng Anh		

3. Quy trình xét trúng tuyển

Quy trình xét trúng tuyển các nguyện vọng được thực hiện theo trình tự như sau:

a) Xét trúng tuyển Nguyện vọng 1: xét trúng tuyển vào các trường THPT chuyên (Lý Tự Trọng, Nguyễn Thị Minh Khai, Vị Thanh);

b) Xét trúng tuyển Nguyện vọng 2: những thí sinh không trúng tuyển Nguyện vọng 1 được hòa điểm (các môn thi chung đối với các trường thi tuyển hoặc điểm học tập, rèn luyện cấp THCS đối với các trường xét tuyển) với những thí sinh còn lại để xét trúng tuyển vào các trường đã đăng ký;

c) Xét trúng tuyển Nguyện vọng 3: những thí sinh không trúng tuyển Nguyện vọng 2 được xét trúng tuyển vào các trường đã đăng ký Nguyện vọng 3 nêu: (1) trường còn chỉ tiêu tuyển sinh được duyệt theo kế hoạch này sau khi đã xét hết các thí sinh đủ điều kiện ở Nguyện vọng 2 đăng ký vào trường, (2) thí sinh có điểm xét tuyển đảm bảo đúng quy định theo kế hoạch này;

d) Xét tuyển theo Nguyện vọng 4: áp dụng đối với các trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên.

* Lưu ý:

- Thí sinh chỉ được xét theo các nguyện vọng đã đăng ký, trúng tuyển nguyện vọng nào thì nhập học nguyện vọng đó, trúng tuyển nguyện vọng trước thì không được xét ở các nguyện vọng sau.

- Sau khi xét tuyển nguyện vọng 2, Sở Giáo dục và Đào tạo sẽ cho phép thí sinh điều chỉnh nguyện vọng 3 và nguyện vọng 4 (có hướng dẫn riêng).

- Xét tuyển bổ sung: Trường hợp sau khi xét nguyện vọng 3 mà vẫn còn trường chưa tuyển đủ chỉ tiêu, Sở Giáo dục và Đào tạo có thể cho phép các trường (đó) tổ chức xét tuyển bổ sung để bảo đảm sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất và biên chế của nhà trường.

VII. TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 THPT TƯ THỰC

1. Các trường THPT tư thực (ngoài công lập) thực hiện công tác tuyển sinh lớp 10 chủ động theo Kế hoạch của từng trường, sao cho: (1) đúng quy chế tuyển sinh¹⁷ và nguyên tắc tổ chức và hoạt động của loại hình trường tư thực¹⁸; (2) phù hợp với điều kiện cơ sở vật chất, đội ngũ của từng trường; (3) đảm bảo thực hiện Chương trình Giáo dục phổ thông 2018;

2. Các trường THPT tư thực xây dựng kế hoạch tuyển sinh lớp 10 năm học 2026 - 2027 gửi về Sở Giáo dục và Đào tạo (để theo dõi, hỗ trợ) trước khi thực hiện;

3. Trình danh sách trúng tuyển lớp 10 năm học 2026 - 2027 về Sở Giáo dục và Đào tạo phê duyệt (qua Phòng Giáo dục trung học và Giáo dục nghề nghiệp) trước ngày 31 tháng 8 năm 2026.

VIII. CÔNG TÁC RA ĐỀ, IN SAO, COI THI, CHẤM THI, PHỤC KHẢO BÀI THI

1. Sở Giáo dục và Đào tạo thành lập Hội đồng ra đề thi, in sao đề thi; Hội đồng tuyển sinh; Hội đồng coi thi; Hội đồng chấm thi và Hội đồng phúc khảo bài thi theo quy định;

2. Cơ cấu, nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của các hội đồng thực hiện theo Quy chế tuyển sinh ban hành theo Thông tư số 30/2024/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

IX. KINH PHÍ TUYỂN SINH

1. Đối với các trường công lập: Kinh phí tổ chức tuyển sinh vào lớp 6 (nếu có), lớp 10 được trích từ kinh phí được giao hàng năm của đơn vị, đảm bảo tuân thủ các quy định tài chính hiện hành. *Không thu phí tuyển sinh đối với học sinh.*

2. Đối với các trường tư thực: kinh phí tổ chức tuyển sinh vào lớp 6, lớp 10 do các trường tự chủ, bảo đảm tuân thủ theo quy định của pháp luật Việt Nam. *Không thu phí tuyển sinh đối với học sinh.*

C. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Đối với Sở Giáo dục và Đào tạo

a) Tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch tuyển sinh các lớp đầu cấp trung học cơ sở, trung học phổ thông năm học 2026 - 2027 trên địa bàn thành phố;

¹⁷ Thông tư số 30/2024/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

¹⁸ Thông tư số 40/2021/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

b) Hướng dẫn các xã, phường, các trường THPT, trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên thực hiện công tác tuyển sinh vào lớp 10 THPT năm học 2026 - 2027. Hướng dẫn nội dung thi của các môn thi/bài thi chung và bài thi chuyên tương ứng với từng lớp chuyên;

c) Quy định cụ thể việc tổ chức ra đề thi, coi thi, chấm thi, phúc khảo bài thi;

d) Thành lập và quy định nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của các hội đồng tuyển sinh, hội đồng ra đề thi, các hội đồng coi thi đặt tại các trường THPT; hội đồng chấm thi, hội đồng phúc khảo, ban vận chuyển và bàn giao đề thi;

đ) Tổ chức thực hiện công tác truyền thông, tư vấn tuyển sinh rộng rãi để giáo viên, học sinh, cha mẹ học sinh và xã hội hiểu rõ chủ trương tuyển sinh nhằm tạo sự đồng thuận trong quá trình triển khai thực hiện;

e) Tổ chức kiểm tra, giám sát công tác tuyển sinh của các xã, phường; công tác tuyển sinh vào lớp 10 của các trường THPT công lập, các trung tâm GDNN - GDTX, các trường tư thục trên địa bàn thành phố;

g) Phê duyệt kết quả tuyển sinh vào lớp 10 của các trường THPT công lập, các trung tâm GDNN - GDTX, các trường tư thục trên địa bàn thành phố;

h) Hướng dẫn các trường THPT, trường phổ thông có nhiều cấp học thực hiện việc xây dựng các tổ hợp môn học lựa chọn bảo đảm phù hợp với điều kiện đội ngũ giáo viên, cơ sở vật chất và định hướng tổ chức dạy học của nhà trường theo quy định của Chương trình giáo dục phổ thông hiện hành. Tổ chức công khai, giới thiệu đầy đủ, rõ ràng các tổ hợp môn học lựa chọn mà đơn vị dự kiến tổ chức giảng dạy trong năm học 2026 - 2027 đến các trường THCS trên địa bàn để cung cấp thông tin kịp thời đến học sinh và cha mẹ học sinh; niêm yết, công bố công khai các tổ hợp môn học lựa chọn trong kế hoạch tuyển sinh của nhà trường;

i) Chủ động phối hợp với các cơ quan có liên quan tổ chức Kỳ thi tuyển sinh vào lớp 10 THPT năm học 2026 - 2027 đảm bảo an toàn, hiệu quả và đúng quy định;

k) Lưu trữ hồ sơ tuyển sinh theo quy định của pháp luật.

2. Đối với Ủy ban nhân dân xã, phường

a) Chỉ đạo công tác tuyển sinh trung học cơ sở thuộc phạm vi quản lý;

b) Quyết định thành lập Ban Chỉ đạo tuyển sinh trung học cơ sở; xây dựng kế hoạch tuyển sinh trung học cơ sở thuộc phạm vi quản lý;

c) Hướng dẫn các trường trung học cơ sở thuộc phạm vi quản lý thực hiện công tác tuyển sinh vào lớp 6 theo đúng kế hoạch này;

d) Quyết định thành lập các Hội đồng tuyển sinh trung học cơ sở; phê duyệt kết quả tuyển sinh trung học cơ sở thuộc phạm vi quản lý;

đ) Tổ chức kiểm tra công tác tuyển sinh trung học cơ sở của các trường trung học cơ sở thuộc phạm vi quản lý;

- e) Xử lý hoặc báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố xử lý những trường hợp bất thường trong quá trình tổ chức tuyển sinh trung học cơ sở thuộc phạm vi quản lý;
- g) Lưu trữ hồ sơ tuyển sinh trung học cơ sở theo quy định của pháp luật;
- h) Phối hợp tổ chức kỳ thi tuyển sinh vào lớp 10 trên địa bàn đảm bảo trật tự và an toàn;
- i) Thực hiện thống kê, thông tin, báo cáo về công tác tuyển sinh trung học cơ sở khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

3. Đối với các trường THPT

- a) Xây dựng và công khai kế hoạch tuyển sinh của nhà trường theo hướng dẫn của Sở Giáo dục và Đào tạo; tổ chức thực hiện kế hoạch tuyển sinh theo quy định;
- b) Tuyển sinh học sinh khuyết tật có nhu cầu học theo quy định;
- c) Lập danh sách các hội đồng tuyển sinh, coi thi, hội đồng chấm thi, hội đồng phúc khảo gửi về Sở Giáo dục và Đào tạo khi có yêu cầu;
- d) Xây dựng video clip giới thiệu về trường và gửi về Sở Giáo dục và Đào tạo theo hướng dẫn;
- đ) Tiếp nhận hồ sơ của học sinh để giao cho hội đồng tuyển sinh; công bố kết quả tuyển sinh sau khi được giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo phê duyệt;
- e) Tiếp nhận các khiếu nại; giải quyết khiếu nại theo thẩm quyền hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền giải quyết;
- g) Thực hiện việc kiểm tra nội bộ về công tác tuyển sinh;
- h) Lưu trữ hồ sơ tuyển sinh theo quy định của pháp luật về lưu trữ;
- i) Thực hiện thống kê, báo cáo công tác tuyển sinh khi có yêu cầu.

Trên đây là Kế hoạch tuyển sinh vào các lớp đầu cấp THCS, THPT năm học 2026 - 2027 trên địa bàn thành phố. Ủy ban nhân dân thành phố yêu cầu các đơn vị tổ chức triển khai thực hiện nghiêm túc Kế hoạch này. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các đơn vị phản ánh về Sở Giáo dục và Đào tạo để tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, chỉ đạo kịp thời./.

Phụ lục 1

DANH SÁCH CÁC TRƯỜNG THI TUYỂN VÀ CHỈ TIÊU DỰ KIẾN TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 NĂM HỌC 2026 - 2027

(Kèm theo Quyết định số 1295/QĐ-UBND ngày 3 tháng 3 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ)

TT	Đơn vị	Số lớp 10 dự kiến tuyển sinh năm học 2026 - 2027	Số học sinh lớp 10 dự kiến tuyển sinh năm học 2026-2027	Ghi chú
1	Trường THPT chuyên Lý Tự Trọng	13	455	
2	Trường PTDTNT THCS và THPT Cần Thơ	3	105	
3	Trường THCS và THPT Tân Lộc	7	280	
4	Trường THCS và THPT Thới Thuận	5	225	
5	Trường THCS và THPT Trường Xuân	5	225	
6	Trường THPT An Khánh	12	480	
7	Trường THPT Bình Thủy	15	675	
8	Trường THPT Bùi Hữu Nghĩa	13	546	
9	Trường THPT Châu Văn Liêm	14	588	
10	Trường THPT Giai Xuân	9	405	
11	Trường THPT Hà Huy Giáp	12	520	
12	Trường THPT Ô Môn	10	450	
13	Trường THPT Lưu Hữu Phước	11	460	
14	Trường THPT Nguyễn Việt Dũng	10	420	
15	Trường THPT Nguyễn Việt Hồng	10	400	
16	Trường THPT Phan Ngọc Hiền	11	429	
17	Trường THPT Phan Văn Trị	14	630	
18	Trường THPT Thốt Nốt	14	630	
19	Trường THPT Thới Lai	14	630	
20	Trường THPT Thới Long	10	420	
21	Trường THPT Thuận Hưng	10	390	
22	Trường THPT Trần Đại Nghĩa	12	540	
23	Trường THPT Trung An	12	504	
24	Trường THPT Thực hành Sư phạm	6	216	
25	Trường THPT chuyên Vị Thanh	9	315	
26	Trường PTDTNT THPT Hậu Giang	3	105	
27	Trường THPT Chiêm Thành Tấn	7	315	
28	Trường THPT Lê Quý Đôn	8	336	
29	Trường THPT Long Mỹ	17	765	
30	Trường THPT Lương Tâm	6	240	
31	Trường THPT Ngã Sáu	8	360	
32	Trường THPT Tân Phú	6	270	
33	Trường THPT Tây Đô	6	240	
34	Trường THPT Vị Thanh	11	495	
35	Trường THPT Vị Thủy	10	450	
36	Trường THPT chuyên Nguyễn Thị Minh Khai	10	350	
37	Trường PTDTNT THPT Huỳnh Cương	6	210	
38	Trường PTDTNT THCS và THPT Thạnh Phú	2	70	
39	Trường PTDTNT THCS và THPT Vĩnh Châu	2	70	
40	Trường THCS và THPT Khánh Hoà	6	230	
41	Trường THCS và THPT Tân Thạnh	8	320	
42	Trường THCS và THPT Trần Đề	6	270	
43	Trường THCS và THPT An Lạc Thôn	8	349	
44	Trường THCS và THPT An Thạnh 3	5	220	

TT	Đơn vị	Số lớp 10 dự kiến tuyển sinh năm học 2026 - 2027	Số học sinh lớp 10 dự kiến tuyển sinh năm học 2026-2027	Ghi chú
45	Trường THCS và THPT Mỹ Hương	4	160	
46	Trường THCS và THPT Phan Văn Hùng	8	310	
47	Trường THPT Đoàn Văn Tố	9	400	
48	Trường THPT Hoàng Diệu	14	630	
49	Trường THPT Huỳnh Hữu Nghĩa	8	330	
50	Trường THPT Kế Sách	14	630	
51	Trường THPT Lịch Hội Thượng	9	360	
52	Trường THPT Mai Thanh Thế	11	495	
53	Trường THPT Mỹ Xuyên	12	520	
54	Trường THPT Nguyễn Khuyến	11	440	
55	Trường THPT Phú Tâm	7	290	
56	Trường THPT Sóc Trăng	15	600	
57	Trường THPT Thiều Văn Chỏi	10	450	
58	Trường THPT Trần Văn Bảy	14	602	
59	Trường THPT Văn Ngọc Chính	7	300	
Tổng		549	23120	

Danh sách có 59 trường./.

Phụ lục 2

**DANH SÁCH CÁC TRƯỜNG XÉT TUYỂN VÀ CHỈ TIÊU DỰ KIẾN TUYỂN SINH
VÀO LỚP 10 NĂM HỌC 2026 - 2027**

*(Kèm theo Quyết định số 1295/QĐ-UBND ngày 30 tháng 3 năm 2026
của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ)*

TT	Đơn vị	Số lớp 10 dự kiến tuyển sinh năm học 2026-2027	Số học sinh lớp 10 dự kiến tuyển sinh năm học 2026-2027	Ghi chú
1	Trường THCS và THPT Thạnh Thắng	4	180	
2	Trường THCS và THPT Thới Thạnh	7	270	
3	Trường THCS và THPT Trần Ngọc Hoàng	5	225	
4	Trường THPT Thạnh An	10	450	
5	Trường THPT Vĩnh Thạnh	10	450	
6	Trường THPT Cái Tắc	10	450	
7	Trường THCS và THPT Cây Dương	9	405	
8	Trường THPT Châu Thành A	9	405	
9	Trường THCS và THPT Hòa An	4	180	
10	Trường THPT Lê Hồng Phong	6	270	
11	Trường THCS và THPT Vĩnh Tường	4	180	
12	Trường THPT Lương Thế Vinh	7	315	
13	Trường THPT Nguyễn Minh Quang	9	405	
14	Trường THPT Phú Hữu	7	315	
15	Trường THPT Tầm Vu	10	400	
16	Trường THPT Tân Long	6	270	
17	Trường THPT Trường Long Tây	4	180	
18	Trường THCS và THPT Dương Kỳ Hiệp	4	180	
19	Trường THCS và THPT Hưng Lợi	4	160	
20	Trường THCS và THPT Lai Hoà	6	240	
21	Trường THCS và THPT Long Hưng	4	164	
22	Trường THCS và THPT Mỹ Thuận	5	210	
23	Trường THCS và THPT Lê Văn Tám	6	240	
24	Trường THPT An Ninh	6	240	
25	Trường THPT Đại Ngãi	9	405	
26	Trường THPT Hoà Tú	7	280	
27	Trường THPT Lương Định Của	7	315	
28	Trường THPT Ngã Năm	5	220	
29	Trường THPT Ngọc Tố	6	240	
30	Trường THPT Thạnh Tân	6	250	
31	Trường THPT Thuận Hoà	10	420	
32	Trường THPT Vĩnh Hải	6	270	
	Tổng	212	9184	

Danh sách có 32 trường./.